| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẢO THẮNG**<br>TỈNH LÀO CAI | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2019
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Thu Hằng
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Trần Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 11/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1980
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Nơi ở: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai
Có mặt.
Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Hoàng Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5/2000 không có đăng ký kết hôn, không được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh Hoàng Văn N nghiện hút chất ma túy, năm 2014 anh N bị đưa đi cai nghiện tập trung tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lào Cai (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, tỉnh Lào Cai). Sau khi cai nghiện được trở về tái hòa nhập cộng đồng, anh N không thay đổi, vẫn

nghiện hút chất ma túy, anh mang tài sản của gia đình đi bán lấy tiền mua ma túy, chị tham gia góp ý anh không nghe lại còn đánh chị, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên tháng 02/2016 chị đã đưa hai con ra ngoài thuê nhà sinh sống và anh chị đã sống ly thân đó đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Chị Phạm Thị L trình bày trong thời gian chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 09/02/2002 và cháu Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 13/7/2012, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện các cháu đang ở cùng chị L. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với cháu Hoàng Thị T tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 16/4/2019 cháu có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị L trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Hoàng Văn N không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Hoàng Văn N, trong quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết, tống đạt các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Hoàng Văn N vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chứng minh về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ về việc có con chung, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân, vì các đương sự không có đăng ký kết hôn và cũng không tiến hành hoà giải được về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vì anh Hoàng Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử không công nhận chị Phạm Thị L và anh Hoàng Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 09/02/2002 và cháu Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 13/7/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Hoàng Văn N (địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Hoàng Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Hoàng Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2000 không có đăng ký kết hôn, không được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N chơi bời nghiện hút chất ma túy, chị khuyên bảo thì anh lại đánh đập chị, do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Tại phiên toà hôm nay chị Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Hoàng Văn N. Đối với anh Hoàng Văn N vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy việc chung sống của chị L và anh N là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của chị, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, mà cần căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị L và anh Hoàng Văn N là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị L xác nhận anh chị có hai người con chung là cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 09/02/2002 và cháu Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 13/7/2012, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện các cháu đang ở cùng chị L. Tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị T và cháu Hoàng Thị Hoài T, chị không yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị L đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc chính của chị ở địa phương là đi nấu ăn thuê cho các công trình xây dựng, mức thu nhập bình quân từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Anh Hoàng Văn N không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của các cháu nên theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cả hai cháu cho chị Phạm Thị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Phạm Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình tòa án giải quyết cũng như tại phiên toà hôm nay chị Phạm Thị L xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận chị Phạm Thị L và anh Hoàng Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 09/02/2002 và cháu Hoàng Thị Hoài T, sinh ngày 13/7/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007932 ngày 04/4/2019. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND xã P;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**
***(Đã ký)***

**Phạm Thị Thu Hằng**